UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

# NGÀNH ĐÀO TẠO: KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

## Thông tin tổng quát

|  |
| --- |
| - Tên học phần: **ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC: NHÀ Ở NHIỀU TẦNG (0+2)** |
| - Tên tiếng Anh: ***Architecture Project: Public Works*** |
| - Mã học phần: KR202 |
| * E-learning: |
| * E-portfolio: |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Cơ bản  Cơ sở ngành   Chuyên ngành  Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp  |
| - Số tín chỉ: 2 |
| + Số tiết lý thuyết: 0 |
| + Số tiết thực hành: 60 |
| - Project: 0 |
| - Tự học: 120 tiết  + Đọc tài liệu: 30 tiết  + Làm bài tập: 90 tiết  + Hoạt động khác (nếu có): 0 |
| - Học phần tiên quyết: ĐAKT: nhà ở riêng lẻ |
| - Học phần học trước: Nguyên lý thiết kế công trình dân dụng, Cấu tạo kiến trúc |

1. **Mô tả học phần**

Đồ án trang bị cho sinh viên kiến thức Thiết kế công trình nhà ở nhiều tầng ( 6 tầng), vận dụng nguyên lý thiết kế công trình dân dụng, các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy, thoát nạn khi nghiên cứu

Yêu cầu: Công trình có hình khối kiến trúc đẹp, trang trí màu sắc phù hợp tâm sinh lý của trẻ, tổ chức giao thông nội bộ tốt, vị trí các khối công trình hợp lý, đảm bảo dây chuyền sử dụng, có khoảng cách hợp ly, yên tĩnh. Tổ chức cây xanh sân vườn sân chơi của trẻ, giao thông tiếp cận. Khai thác yếu tố cây xanh để cải tạo vi khí hậu trong công trình.

Hệ thống kết cấu đảm bảo độ bền vững, đạt quy chuẩn tiêu chuẩn sử dụng, chú ý giải pháp tiết kiệm trong xây dựng.

## Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế thể loại công trình nhà ở. Giúp cho người học nắm vững phương pháp nghiên cứu thiết kế công trình từ giai đoạn tìm hiểu đề tài, nhiệm vụ thiết kế, biết phân tích đánh giá khu đất, dây chuyền công năng trước khi tìm ý sang tác.

Rèn luyện cho người học kỹ năng thực hiện Hồ sơ thiết kế một thể loại công trình công cộng quy mô nhỏ. Bên cạnh đó người học thành thạo trong việc thực hiện bản vẽ thiết kế, biết vận dụng tài liệu tham khảo, tiêu chuẩn thiết kế trong sáng tác. Có kỹ năng trình bày ý tưởng và bảo vệ ý tưởng thiết kế.

Thái độ, chuyên cần: Sinh viên có niềm say mê với việc cập nhật hoàn thiện các kiến thức mới, trau dồi kỹ năng thể hiện bản vẽ tay để hỗ trợ cho các đồ án môn học sau cũng như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp . Nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp trong công tác thiết kế, thực hiện đồ án mang tính khả thi cao với ý tưởng kiến trúc đáp ứng yêu cầu công năng, ý tưởng sáng tạo

## Nguồn học liệu

### Tài liệu bắt buộc:

[1] TS. KTS Tạ Trường Xuân: *Nguyên lý thiết kế kiến trúc*, Đại học Kiến trúc Hà

Nội

### Tài liệu không bắt buộc:

[2] TS. KTS Nguyễn Kim Sến; KTS. Cổ Văn Hậu; KTS. Vũ Đại Hải: *Nguyên lý thiết kế Kiến Trúc*, Đại học Kiến trúc TP. HCM

[3] PGS. TS. KTS Nguyễn Thiềm, PGS.TS.KTS Trần Bút: *Nguyên lý thiết kế kiến trúc*, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

[4] A. Neufert – Architect’ Data, Dữ liệu dành cho kiến trúc sư, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Tp. HCM, 2000.

### Tài nguyên khác:

[5] Quy chuẩn thiết kế xây dựng Việt Nam

[6] Các website liên quan, các tạp chí chuyên ngành kiến trúc, xây dựng xuất bản trong và ngoài nước

[7] Các hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình thực tế

## Chuẩn đầu ra học học phần

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra của CTĐT theo mức độ sau**: **N** : Không đóng góp/không liên quan

**S** : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

**H** : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp** | | | | | | | | | | |
| KR 173 | ĐAKT:CTCC1 | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 | ELO11 |
| **N** | **S** | **S** | **S** | **S** | **S** | **S** | **S** | **S** | **S** | **N** |

## Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | | **CĐR của CTĐT (ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1 | Trang bị cho người học các kiến thức chuyên ngành về nguyên lý thiết kế thể loại công trình nhà ở nhiều tầng | ELO2, ELO3 |
| CELO2 | Lập luận kỹ thuật về thể loại Nhà ở nhiều tầng | ELO4,ELO7 |
| Kỹ năng | CELO3 | Kỹ năng thiết kê kiến trúc thể loại nhà ở nhiều tầng trong giai đoạn thiết kế cơ sở | ELO4,ELO8 |
| CELO4 | Kỹ năng giao tiếp và phối họp nhóm trong quá trình thiết kế | ELO5, ELO6 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | CELO5 | Khả năng hành nghề và ứng dụng linh hoạt và thích nghi với hoàn cảnh thay đổi của doanh nghiệp và xã hội sau khi sinh viên tốt nghiệp. | ELO9,ELO10 |

1. **Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra CELO** | **Chỉ báo thực hiện** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| CELO1 | CELO1.1 | Nắm vững kiến thức về kiến trúc của thể loại CT nhà ở nhiều tầng và phân biệt với các loại công trình khác cũng như những biến đổi theo các thời kỳ. |
| CELO1.2 | Nắm rõ nhiệm vụ thiết kế kiến trúc của giai đoạn thiết kế cơ sở (concept design). |
| CELO2 | CELO2.1 | Vận dụng các kiến thức các môn học đã học thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. |
| CELO3 | CELO3.1 | Nắm vững các bước của quá trình thiết kế kiến trúc trong giai đoạn thiết kế cơ sở: |
| CELO3.2 | Thái độ và tư duy trong thiết kế kiến trúc: - Tính đề xướng và thử thách - Tư duy sáng tạo - Tích hợp kiến thức |
| CELO4 | CELO4.1 | Khả năng làm việc theo nhóm: - Thành lập nhóm hoạt động hiệu quả - Hoạt động nhóm - Phát triển nhóm - Lãnh đạo nhóm - Hợp tác kỹ thuật đa ngành |
| CELO5 | CELO5.1 | Khả năng xây dựng hệ thống thiết kế thích nghi với thời điểm sinh viên tốt nghiệp và tương lai |
| CELO5.2 | Khả năng vận dụng linh hoạt các quy trình thiết kế và đưa ra giải pháp tối ưu đảm bảo mục tiêu cần đạt |
| CELO5.3 | Khả năng triển khai các sản phẩm thiết kế như tham gia thi công xây dựng, thi công nội ngoại thất, tổ chức, điều hành và quản lý dự án xây dựng: Quản lý quá trình triển khai |

1. **Đánh giá học phần**

| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện**  **(CELOx.y)** | **Tỉ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Đánh giá quá trình** | | | | **50** |
| **A.1 Đánh giá thái độ học tập** | | | | **25** |
| Tham dự lớp | Tham dự lớp đầy đú. Tự học và tham khảo các tài liệu liên quan đến môn học. Tham gia tích cực trong các buổi học và thảo luận. Chuẩn bị bài trước khi đến lớp | Tuần 1-6 | CELO1.1, CELO1.2, CELO2.1 |  |
| Vẽ bài | Vẽ bài theo nội dung do giảng viên quy định, nộp bản vẽ cho giảng viên đúng thời gian. | Tuần 1-6 | CELO3.1, CELO3.2, CELO4.1 |  |
| **A.2 Kiểm tra giữa kỳ** | | | | **25** |
| Bài Hoạ cảo | Đánh giá năng lực nhận thức về môn học và phản ánh các kiến thức cơ sở ngành thông qua bài tập Hoạ cảo của môn học này.  Đánh giá kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và thái độ hợp tác trong quá trình thiết kế. | Tuần 2 | CELO1.1-4.1 |  |
| 1. **Đánh giá kết thúc học phần** | | | | **50** |
| Bài đồ án | - Nội dung & khối lượng bản vẽ đầy đủ, đúng quy cách, sạch đẹp  - Phân tích lập luận+ Ý tưởng sáng tạo  - Thuyết trình bảo vệ ý tưởng Đồ án trước GV & chuyên gia | Tuần 6 | CELO1.1-5.3 |  |

**8. Nội dung chi tiết học phần**

**8.1. Lý thuyết**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy, học và đánh giá** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tài liệu tham khảo** |
| 1 | **- GV giảng đề:**   Mục tiêu, yều cầu, giới hạn môn học và  đánh giá đầu ra môn học   Các giai đoạn thiết kế kiến trúc (architectural design process)   Thiết kế cơ sở (Conceptual design/ Schematic design) (bao gồm kế hoạch nội dung cụ thể của mỗi tuần)   Giới thiệu đề bài , giới thiệu hiện trạng , phát và giải thích tài liệu về hiện trạng và hướng dẫn công việc của giai đoạn phân tích hiện trạng   Rà soát kiến thức các môn học cơ sở ngành cần áp dụng cho đồ án này   Giới thiệu các phương pháp, công cụ thể hiện và trình bày đồ án (bản vẽ, mô hình...)  SV thành lập nhóm (10 SV/nhóm): GV hỗ trợ SV tổ chức nhóm khảo sát – phân tích hiện trạng, nhóm phân tích thiết kế, nhóm  phần thiết kế chung, nhóm thực hiện mô hình, nhóm công tác chuẩn bị triển lãm và nhóm bảo vệ phần thiết kế chung. | **Hoạt động dạy:**  Thuyết trình, dạy học theo nhóm | CELO1.1,CELO1.2, |  |
| **Hoạt động tự học:**  SV phân tích đề bài theo nhóm - SV phân tích hiện trạng trên tài liệu theo nhóm |
| **Hoạt động đánh giá:**  Đánh giá qua quan sát |

**8.2.Thực hành**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | **Nội dung** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tài liệu tham khảo** |
| 1 | **SV đi khảo sát hiện trạng theo nhóm**  SV chuẩn bị các công cụ cần thiết cho môn học: khảo sát hiện trạng, thiết kế, thể hiện bản vẽ, mô hình, triển lãm và bảo vệ đố án.  SV làm bài phân tích hiện trạng theo nhóm | CELO1.1,CELO1.2, CELO2.1 | Giáo trình [m], trang … đến … |
| 2 | **Phân tích hiện trạng và Hoạ cảo** (Contextual analyzis and Sketching)  SV thực hiện các bản vẽ /mô hình mô phỏng về phân tích hiện trạng (theo nhóm) theo phương pháp GV đã trình bày ở buổi 1. | CELO1.1-CELO3.2 |  |
| 3 | **SV trình bày bài phân tích hiện trạng** (nhóm) và Hoạ cảo (cá nhân) - GV đánh giá, chấm điểm và ý kiến để SV phát triển đồ án trong giai đoạn thiết kế. | CELO1.1-CELO3.2 |  |
| 4 | **SV nghiên cứu các kiến thức cơ sở ngành và phương pháp thiết kế áp dụng trong đồ án.**  SV thực hiện bài mô tả thiết kế (design brief/ design statement) trình bày phương pháp thiết kế và quan điêm thiết kế của cá nhân và kèm theo bản vẽ phác thảo đầu tiên (draft)/ hoặc bài thiết kế nhanh (nếu SV tiếp tục sử dụng) cho buổi học tiếp theo | CELO1.1-CELO4.1 |  |
| 5-9 | **Thiết kế (Design)**  - SV trình bày bài tập đã thực hiện tại nhà  - GV hướng dẫn SV thiết kế tại phòng họa thất | CELO1.1-CELO5.3 |  |
| 10 | **Trình bày thiết kế (Design Representation)**  SV hoàn thiện và kết xuất bản vẽ, mô hình và bố cục trên panel để báo cáo và triễn lãm | CELO1.1-CELO5.3 |  |
| 11 | **Thuyết trình báo cáo đồ án, chấm điểm kết quả cuối học phần** | CELO1.1-CELO5.3 |  |

**9. Hướng dẫn học phần**

**9.1. Đối với sinh viên**

- Giờ tự học: Ngoài giờ lên lớp theo thời khóa biểu, sinh viên sẽ phải đầu tư 60 giờ tự học/ tín chỉ lý thuyết và thực hành như:

+ Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học

+ Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm …

+ Hoàn tất nhật ký việc tự học.

- Sinh viên dự lớp đầy đủ, nếu vắng quá 20% số tiết (> 12 tiết) sẽ không được dự thi.

- Làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.

- Sinh viên vắng vào buổi kiểm tra giữa kỳ/ thực hành không có lý do sẽ nhận 0 điểm.

**9.2. Đối với giảng viên**

**……..**

**10. Phiên bản chỉnh sửa**

Lần …, ngày …

**12. Phụ trách học phần**

- Chương trình: Kiến trúc Khoa: Kiến trúc

- Giảng viên: Nguyễn Dương Tử

- Địa chỉ và email liên hệ: : Khoa Kiến trúc, trường ĐH Thủ Dầu Một (số 06, Trần Văn Ơn, phường Phú Hoà, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)- kientruc@tdmu.edu.vn

- Điện thoại: 0949799988

*Bình Dương, ngày tháng năm 20*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐTĐH TRƯỞNG KHOA GĐ CHƯƠNG TRÌNH**

**PHỤ LỤC   
RUBRIC CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Thang điểm 10)**

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH**

1. **Rubric tham dự lớp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT (10 điểm)** | **ĐẠT (8 điểm)** | **CHƯA ĐẠT (0-4 điểm)** |
| **Thời gian tham dự** | 80 - 100% ( 6đ) | 60 - 80% (5đ) | Ít hơn 60% (0-4 đ) |
| **Thái độ tham dự** | Chú ý, tích cực đóng góp (4đ) | Có chú ý và đóng góp (3đ) | Không chú ý/không đóng góp (0đ) |

1. **Rubrichoàn thành bài tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT (8-10 điểm)** | **ĐẠT (5-7 điểm)** | **CHƯA ĐẠT (0 4 điểm)** |
| Hoàn thành các nội dung & khối lượng | 80 - 100% (3-4đ) | 60 - 79% (2-3đ) | Ít hơn 60% (2đ) |
| Đúng quy cách và quy ước quốc tế hoặc TCXDVN – QCXDVN | 80 - 100% (3-4đ) | 60 - 79% (2-3đ) | Ít hơn 60% (2đ) |
| Bản vẽ rõ ràng, sạch sẽ | 80 - 100% (1-2đ) | 60 - 79% (1đ) | Ít hơn 60% (0đ) |

1. **Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ số 1 (bài phân tích hiện trạng, Hoạ cảo)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **TỐT**  **(8-10 điểm)** | **ĐẠT**  **(5-7 điểm)** | **CHƯA ĐẠT (1-4 điểm)** |
| CELO1.1-4.2 | Sinh viên biết vận dụng các nguyên lý thể hiện ý tưởng trong thiết kế. | Ý tưởng tốt, đúng dây chuyền công năng | Ý tưởng khá, đúng dây chuyền công năng | Ý tưởng kém, sai dây chuyền công năng |
| CELO1.1-4.2 | Đánh giá tư duy phản ứng nhạy bén sáng tạo chuyên nghiệp | Lập luận |  |  |

1. **Rubric đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ số …**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **TỐT**  **(... điểm)** | **ĐẠT**  **(... điểm)** | **CHƯA ĐẠT (...điểm)** |
|  |  | <Mức độ hoàn thành yêu cầu> | <Mức độ hoàn thành yêu cầu> | <Mức độ hoàn thành yêu cầu> |
| … |  |  |  |  |

**…**

**ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN**

1. **Rubric bài kiểm tra kết thúc học phần số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **TỐT**  **(8-10 điểm)** | **ĐẠT**  **(5-7 điểm)** | **CHƯA ĐẠT (1-4 điểm)** |
| CELO1.1-4.2 | Nội dung & khối lượng thuyết minh, bản vẽ đầy đủ, đúng quy cách, sạch đẹp | Hình vẽ đúng. Trình bày đúng tiêu chuẩn của bản vẽ kỹ thuật. | Hình vẽ đúng. Trình bày chưa đúng tiêu chuẩn của bản vẽ kỹ thuật. | Hình vẽ sai. Trình bày chưa đúng tiêu chuẩn của bản vẽ kỹ thuật. |
| CELO1.1-4.2 | Phân tích lập luận+ Ý tưởng sáng tạo | Đầy đủ nội dung, hình thức trình bày đẹp, thuyết trình tốt. | Đầy đủ nội dung, hình thức trình bày khá, thuyết trình khá. | Đầy đủ chưa nội dung, hìh thức trình bày chưa đạt, thuyết trình kém. |
| CELO1.1-4.2 | Thuyết trình bảo vệ ý tưởng Đồ án trước GV & chuyên gia |  |  |  |

1. **Rubric bài kiểm tra kết thúc học phần số …**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **TỐT**  **(... điểm)** | **ĐẠT**  **(... điểm)** | **CHƯA ĐẠT (...điểm)** |
|  |  | <Mức độ hoàn thành yêu cầu> | <Mức độ hoàn thành yêu cầu> | <Mức độ hoàn thành yêu cầu> |
| … |  |  |  |  |

**…**

**\* Ghi chú:**

- Điểm tổng kết học phần sẽ được tính dựa vào tỷ lệ mô tả ở mục 7, tính thành 2 cột điểm:

1. Điểm quá trình

2. Điểm kết thúc học phần